

**TAND THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 05/02/2018
Thụ lý số: 01/2018/HSST
Ngày 04/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông: Nguyễn Thanh Tùng*
- 2. Ông: Đinh Minh Tú*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2018 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04/01/2018 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 15/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HSST-QĐ ngày 26/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày: 21/7/1999 Tại thị xã T, tỉnh N; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lê Văn Đ (đã chết) và con bà Hồ Thị H, sinh năm 1977; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Anh chị em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2017 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Đặng Thế S**; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày: 11/6/1999 Tại thị xã T, tỉnh N; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Đặng Đình C (đã chết) và con bà Lê Thị T, sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi ĐKHKT: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Xã Đ, huyện L, tỉnh L; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa;

Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1962

Trú tại: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh N (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Lê Tuấn A, sinh năm 2007

Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh N (vắng mặt không có lý do);

- Anh Lê Phan Đ, sinh năm 1996

Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh N (có mặt);

- Anh Trần Khắc S, sinh năm 1988

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh N (vắng mặt không có lý do)

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Hồng T (Bác ruột, là người giám hộ của cháu Lê Tuấn A) - vắng mặt không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 19/4/2017, Lê Văn T và Đặng Thế S đến Nông trường T thuộc xóm H, xã T, thị xã T để trộm cắp tài sản. Sau khi thống nhất Đặng Thế S lấy chiếc xe đạp của Lê Tuấn A là em trai của Lê Văn T mà T mượn từ trước để đi chơi điện tử rồi chờ Lê Văn T đi đến Nông trường T. Khi đến nơi T và S để chiếc xe đạp ở ngoài cổng rồi cả hai cùng nhảy qua tường rào vào bên trong. Lúc này S đứng phía ngoài cánh giới, còn T một mình trèo lên cây me phía sau dãy ngôi phòng làm việc của Nông trường T rồi chui vào bên trong phòng kế toán và thấy có một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu đen, máy đã qua sử dụng để trên kết sắt và T đã lấy trộm và cùng với S nhảy qua tường rào rồi đi về nhà bà Lê Thị L (trú tại xóm H, xã T, thị xã T) là bà của Lê Văn T và Đặng Thế S để cất dấu. Khoảng một tuần sau Lê Văn T và Đặng Thế S lấy chiếc máy tính xách tay nói trên ra mở khóa để dùng nhưng không mở được. Lúc này có anh Lê Phan Đ đến chơi và hỏi “láp tốp của ai đây” thì T trả lời “Láp tốp của chị em cho”, Lê Phan Đ hỏi mượn về dùng nhưng T và S không cho. Hai ngày sau Đ lại đến nhà bà Lê Thị L chơi và gặp T và S ở đây nên Đ tiếp tục nói với S và T “cho anh mượn cái laptop đi cầm rồi về anh đưa cho ít tiền mà tiêu” nên S và T đồng ý cho Đ mượn đi cầm cầm. Sau khi mượn được chiếc máy tính xách tay Đ đưa đến tiệm cầm đồ của anh Trần Khắc S cầm cầm được số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), Lê Phan Đ đưa cho T số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn S không nhận được tiền. Khoảng 10 ngày sau Đ được T và S cho biết chiếc máy tính trên là do T và S trộm cắp nên Lê Phan Đ đã đi chuộc chiếc máy tính trên và giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã T.

Ngày 07/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an thị xã T nhận được đơn trình báo của chị Hồ Thị Thu H về việc chị bị mất tài sản trên.

Ngày 01/11/2017 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên T đã đến Công an thị xã T để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Còn Đặng Thế S sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã ra quyết định truy nã và đến ngày 20/12/2017 đã bắt được Đặng Thế S.

Căn cứ kết luận giám định tài sản số 18/KLGĐ ngày 03/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản xác định trị giá tài sản là chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu đen, máy đã qua sử dụng do Lê Văn T và Đặng Thế S trộm cắp ngày 19/4/2017 có trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Bản cáo trạng số 03/VKS-HS ngày 03/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh N đã truy tố các bị cáo Lê Văn T và Đặng Thế S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh N giữ quyền công tố luận tội và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Đặng Thế S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 điều 46 và các điều 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo T từ 04 đến 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1 điều 46 và các điều 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo S từ 04 đến 06 tháng tù. Vật chứng vụ án: Đã trả lại tài sản cho người bị hại, nên đề nghị không xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ không yêu cầu gì phần bồi thường nên đề nghị không xem xét. Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T và S đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như đơn xin đầu thú của bị cáo T, đơn trình báo của

người bị hại, Biên bản bắt người đang bị truy nã của bị cáo S, biên bản tạm giữ đồ vật, kết luận định giá tài sản..., được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 23 giờ ngày 19/4/2017, các bị cáo Lê Văn T và Đặng Thế S đã cùng nhau đến nông trường T thuộc địa phận xóm H, xã T, thị xã T chui vào bên trong phòng kế toán của nông trường lấy trộm 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu đen, máy đã qua sử dụng của cá nhân chị Hồ Thị Thu H, có trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Mục đích trộm cắp của các bị cáo là để tiêu xài cá nhân. Sau khi trộm cắp được chiếc máy tính bị cáo T biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T để đầu thú, còn bị cáo S đã trốn khỏi địa phương và sau đó bị Công an thị xã T bắt theo quyết định truy nã. Với hành vi trên các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do ăn chơi đua đòi, lười lao động nên đã thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vụ án mang tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, tài sản trộm cắp có trị giá không lớn. Tuy nhiên xét vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng bị cáo Lê Văn T có vai trò chính là người chủ động rủ rê bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn bị cáo S có vai trò thứ yếu là người đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Các bị cáo T, S đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với bị cáo T sau khi thực hiện hành vi phạm tội biết không thể che giấu được hành vi của mình nên bị cáo đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T để đầu nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, tài sản trộm cắp không lớn, nhưng căn cứ vào báo cáo diễn biến hoạt động của các bị cáo tại địa phương do Công an xã T, thị xã T lập thấy rằng các bị cáo T, S hay vắng mặt tại địa phương, quá trình sinh sống tại địa phương thường quan hệ với các đối tượng xấu. Vì vậy, việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống một một thời gian là cần thiết. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người chưa thành niên, do đó cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh về thu nhập của các bị cáo thấy rằng đều không có công việc làm ổn định, thu nhập chỉ nuôi sống bản thân. Vì vậy miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Thu giữ: 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu đen, máy đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của người bị hại chị Hồ Thị Thu H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

- Thu giữ 01 (một) chiếc xe đạp mi ni, màu trắng, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Tuấn A cho bị cáo Lê Văn T (là anh trai của A) mượn nhưng không biết được việc các bị cáo dùng chiếc xe này để đi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay bị hại trình bày sau khi bị mất tài sản, đến nay bị hại đã nhận lại được tài sản đầy đủ, do đó không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phan Đ trình bày sau khi anh mượn chiếc máy tính của các bị cáo do trộm cắp để đưa đi cầm cố nhưng do anh Đ không biết được tài sản anh mượn của các bị cáo đi cầm cố là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên anh Đ không phạm tội. Hiện nay chiếc máy tính này anh đã chuộc lại và giao nộp cho Công an thị xã T để trả lại cho bị hại, nên số tiền trên anh cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh.

Sau khi trộm cắp chiếc máy tính các bị cáo đã đưa đến nhà bà Lê Thị L để cất dấu. Tuy nhiên do bà L đã già yếu, không còn minh mẫn nên không biết việc các bị cáo đã đưa chiếc máy tính do trộm cắp mà có về cất dấu ở nhà của bà, nên bà L không phạm tội.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Đặng Thế S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 điều 46 và các điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/11/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1 điều 46 và các điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999..

Xử phạt bị cáo **Đặng Thế S 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo T, S mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QL và NV liên quan;
- TAND Tỉnh N;
- VKSND TX T;
- Công an TX T.
- Thi hành án Dân sự TX T;
- UBND xã, ph-òng nơi các bị cáo c- trú;
- L- u HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phùng Thị Hương Giang